

LỊCH MỞ CỦA PHÒNG MÁY TÍNH THỰC HÀNH CƠ SỞ QUẬN 7								
TUẦN 43		21/10/2024	22/10/2024	23/10/2024	24/10/2024	25/10/2024	26/10/2024	27/10/2024
PM		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ Nhật
Sáng	B602	2006 HTTKT GV L T T Việt	2604 THKTTC GV P T Huyền	2003 HTTKT GV N D Duẩn	2604 THKTTC GV P T Huyền	2603 THKTTC GV T T N Nga	3318 THUD GV L T K Thoa	
	B603	4201 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	4219 Kinh tế lượng GV N T Hưng	4203 Kinh tế lượng GV N T Duy	4213 Kinh tế lượng GV N V Phong	4206 Kinh tế lượng GV T Đ Tước	4210 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	
	B604	4207 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	4220 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	4211 Kinh tế lượng GV V T B Khuê	4222 Kinh tế lượng GV V T B Khuê	4221 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	3326 THUD GV T Đ H Thụy	
	B605		4210 Kinh tế lượng	4224 Kinh tế lượng	3317 THUD	2401 Kinh tế lượng	4217 Kinh tế lượng	
			GV N V Phong	GV T Đ Tước	GV L H T Mai	GV N H Hoàng	GV N T Duy	
	B606	3305 THUD GV V T T Hương	3308 THUD GV L T K Thoa	3310 THUD GV N T T Lộc	8003 THUD GV P T Tú	3312 THUD GV T A Sơn	3307 THUD GV N Q Thanh	
	B608	3315 THUD GV T X Hương	3317 THUD GV L H T Mai	3323 THUD GV N T Trường	3320 THUD GV T T Công	3321 THUD GV T Đ H Thụy	3313 THUD GV T T Hiếu	
	B610	3327 THUD GV T T N Lý	3324 THUD GV H N T Trung	3305 THUD GV V T T Hương	3325 THUD GV H N T Trung	3327 THUD GV T T N Ly		
	Người Trực	Đạt	Nam	Đạt	Đạt	Đạt	Quế	
	Chiều	B602	2001 HTTKT GV L T T Việt	2602 THKTTC GV P T Huyền	2005 HTTKT GV L T T Việt	2602 THKTTC GV P T Huyền	2601 THKTTC GV T T N Nga	
B603		4202 Kinh tế lượng GV T Đ Tước	4212 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	4221 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	4214 Kinh tế lượng GV N T Hưng	6501 THUD GV L H T Mai	4209 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	
B604			4218 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	6501 THĐC GV L H T Mai	4215 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	4224 Kinh tế lượng GV T Đ Tước	4216 Kinh tế lượng GV N T Duy	
B605		3306 THUD GV T A Sơn	2402 Kinh tế lượng GV N T Hưng	4202 Kinh tế lượng GV T Đ Tước	4223 Kinh tế lượng GV V T B Khuê	2402 Kinh tế lượng GV N T Hưng		
B606		3311 THUD GV T X Hương	8002 THUD GV T T San	3309 THUD GV N T T Lộc	3303 THUD GV B M Trường	3306 THUD GV T A Sơn	3302 THUD GV N Q Thanh	
B608		3314 THUD GV B M Trường	3318 THUD GV L T K Thoa	3322 THUD GV N T Trường	8001 THUD GV T T Công	3326 THUD GV T Đ H Thụy	3316 THUD GV T T Hiếu	
B610		3319 THUD GV N T N Lý	3316 THUD GV T T Hiếu	3311 THUD GV T X Hương	3324 THUD GV H N T Trung	8002 THUD GV T T San	3302 THUD GV N T Trường	
Người Trực		Đạt	Nam	Đạt	Đạt	Đạt	Quế	